

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế năm học 2018-2019

Biểu mẫu 6

STT	Nội dung		Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
				Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh		1127	271	231	178	234	213
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày		1127	271	231	178	234	213
III	Số HS chia theo năng lực, phẩm chất		1127	271	231	178	234	213
1	<i>Tốt</i> (tỷ lệ % so với tổng số)	NL/TL	1031 91,48	258 95,01	218 94,37	168 94,38	204 87,18	183 85,92
		PC/TL	982 87,13	240 88,56	210 90,91	159 89,33	202 86,32	171 80,28
	<i>Đạt</i> (tỷ lệ % so với tổng số)	NL/TL	96 8,52	13 4,99	13 5,63	10 5,62	30 12,82	30 14,08
		PC/TL	145 12,87	31 11,44	21 9,09	19 10,67	32 13,68	42 19,72
3	<i>Cần cố gắng</i> (tỷ lệ % so với tổng số)		0	0	0	0	0	0
IV	Số HS chia theo kết quả học tập		1127	271	231	178	234	213
a	<i>Hoàn thành tốt</i> (tỷ lệ % so với tổng số)		856 75,95	218 80,44	177 76,62	135 75,84	179 76,50	147 69,01
b	<i>Hoàn thành</i> (tỷ lệ % so với tổng số)		271 24,05	53 19,56	54 23,38	43 24,16	55 23,50	66 30,99
c	<i>Chưa hoàn thành</i> (tỷ lệ % so với tổng số)		0	0	0	0	0	0
V	Tổng hợp kết quả cuối năm		1127	271	231	178	234	213
1	<i>Lên lớp</i> (tỷ lệ % so với tổng số)		1127 100	271 100	231 100	178 100	234 100	213 100
a	<i>Trong đó:</i> <i>HS được khen thưởng cấp trường</i> (tỷ lệ % so với tổng số)		1059 93,97	254 93,73	207 89,61	165 92,70	231 98,72	202 85,45
b	<i>HS được cấp trên khen thưởng</i> (tỷ lệ % so với tổng số)		16 1,42	1 0,08	1 0,08	1 0,08	7 0,62	6 0,53
2	<i>Ở lại lớp</i> (tỷ lệ % so với tổng số)		0	0	0	0	0	0

Phạm Văn Cội, ngày 01 tháng 6 năm 2019

Người lập bảng

Thủ trưởng đơn vị

(Đã ký)

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Văn Minh

Lê Văn Bồng